ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

LƯU Ý CHUNG

Dùng hình tờ tiền thật được cung cấp từ Ngân hàng Nhà nước; không thay bằng tờ tự vẽ chỉ có số.

Số mệnh giá khác số sê-ri; hướng trẻ tìm chữ đồng và số đi cùng mệnh giá.

Chỉ nhận biết một số tờ tiền trong bài, chưa kết luận tờ nào mua được hàng gì ở giá thị trường.

Bài 1 · tr. 01 Nhìn hình và nhận tờ tiền Việt Nam

Mục tiêu Nhận biết hình tờ tiền Việt Nam và tìm chỗ ghi mệnh giá.

Ví dụ Trên tờ tiền có mệnh giá bằng số và chữ. Tờ có chữ một trăm đồng và số 100 là tờ 100 đồng.

Các ảnh tờ tiền được cung cấp; có thể thêm tờ tiền thật do người lớn chuẩn bị.

Quan sát cả hình, tìm chữ đồng và số mệnh giá; không chỉ đoán theo màu.

Mỗi hình là một mặt của tờ tiền, không coi hai mặt của cùng tờ là hai tờ khác nhau.

Câu 1 · tr. 01 Tờ 100 đồng; chỉ số 100 gắn mệnh giá, không đọc sê-ri làm giá trị.

LT LT1 · tr. 01 Không. Tìm số mệnh giá đi cùng chữ đồng hoặc chữ ghi giá trị, không đọc dãy sêri thành số tiền.

Câu 2 · tr. 02 Tờ 100 đồng, cùng mệnh giá với hình ở nhiệm vụ 1.

Câu 3 · tr. 02 Chỉ số 500 hoặc chữ năm trăm đồng; tờ 500 đồng.

Câu 4 · tr. 02 500 đồng; lật mặt không đổi mệnh giá.

Bài 2 · tr. 03 Đọc số ghi mệnh giá

Mục tiêu Đọc và viết mệnh giá 100,200,500,1000 đồng trên hình thật.

Ví dụ Số 1000 và chữ một nghìn đồng cùng chỉ mệnh giá của tờ 1000 đồng.

Hình tờ tiền, giấy và bút.

Đọc phần số cùng đơn vị đồng; có thể kiểm bằng chữ trên tờ.

Khi viết, giữ đơn vị đồng để phân biệt giá trị với số khác trên hình.

Câu 1 · tr. 03 200 đồng; đọc hai trăm đồng.

LT LT1 · tr. 03 Viết 200 đồng; kiểm số 200 và chữ hai trăm đồng trên tờ tiền.

Câu 2 · tr. 04 1000 đồng; đọc một nghìn đồng.

Câu 3 · tr. 04 500 đồng; chọn số 500 hoặc chữ năm trăm đồng.

Câu 4 · tr. 04 100 đồng; nhận đúng số 100.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 05 Phân biệt một số tờ tiền qua hình thật

Mục tiêu Phân biệt các tờ 100,200,500,1000 đồng bằng mệnh giá.

Ví dụ Tờ 200 đồng và tờ 500 đồng có mệnh giá khác nhau, dù ảnh có thể được trình bày cùng chiều rộng.

Hình tờ tiền ở các nhiệm vụ và giấy.

Đọc mệnh giá mỗi hình trước khi so sánh.

Không dùng độ lớn ảnh trên màn hình để so giá trị tờ tiền.

Câu 1 · tr. 05 Không; đây là tờ 200 đồng, thấy số 200/chữ hai trăm đồng.

Câu 2 · tr. 05 500 đồng, lớn hơn 200 đồng; dựa số mệnh giá.

Câu 3 · tr. 06 Tờ 1000 đồng; ở cuối, là mệnh giá lớn nhất trong bốn số đã cho.

Câu 4 · tr. 06 Tờ 100 đồng; thứ tự 100,200,500,1000 đồng.

Bài 4 · tr. 06 Nhận cùng mệnh giá ở mặt khác

Mục tiêu Nhận ra hai mặt của tờ tiền có cùng mệnh giá.

Ví dụ Lật một tờ tiền từ mặt này sang mặt kia không làm thay đổi mệnh giá.

Giữ các trang/hình của bốn nhiệm vụ cạnh nhau để đối chiếu.

So số và chữ mệnh giá ở hai hình, không chỉ so bức tranh.

Dùng hình ở nhiệm vụ 1 để đối chiếu nhiệm vụ 2, hình 3 để đối chiếu hình 4.

LT LT1 · tr. 06 Không đổi. Đối chiếu số mệnh giá và chữ ghi tiền ở hai mặt của cùng tờ.

Câu 1 · tr. 07 1000 đồng.

Câu 2 · tr. 07 1000 đồng; cùng mệnh giá. Khác hình mặt trước/mặt sau không tạo giá trị khác.

Câu 3 · tr. 07 200 đồng.

Câu 4 · tr. 08 200 đồng; hai mặt cùng mệnh giá 200 đồng.

Bài 5 · tr. 08 Trò chơi nhận biết tờ tiền

Mục tiêu Dùng chữ và số trên tờ tiền để nhận biết trong tình huống mới.

Ví dụ Một người chọn hình, người kia đọc mệnh giá và tìm thẻ phù hợp; sau khi kiểm thì đổi vai.

Các hình tiền cung cấp; giấy làm thẻ 100,200,500,1000 đồng.

Mỗi lượt nhìn một hình, tự đọc mệnh giá rồi chọn thẻ có cùng giá trị.

Sau mỗi lượt mới đối chiếu chữ/số trên hình để sửa nếu cần; không thi tốc độ.

Câu 1 · tr. 08 Chọn thẻ 500 đồng, đối chiếu số hoặc chữ trên hình.

Câu 2 · tr. 09 Chọn 1000 đồng; chỉ số 1000/chữ một nghìn đồng.

Câu 3 · tr. 09 Hình là 100 đồng; sửa thành thẻ 100 đồng.

Câu 4 · tr. 09 200 đồng; đọc số/chữ mệnh giá, không chỉ dựa màu.